

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Tư pháp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 77/TTr-STP ngày 24/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục gồm **205** thủ tục hành chính (*cấp tỉnh: 130 thủ tục, cấp huyện: 33 thủ tục, cấp xã: 42 thủ tục*) được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm đăng tải nội dung Quyết định lên Trang văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh theo địa chỉ <http://qtpl.vpubnd.quangnam.vn> để các cơ quan, đơn vị, địa phương truy cập, tải về triển khai thực hiện.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

- Bổ sung, hoàn chỉnh nội dung cấu thành của từng thủ tục hành chính, cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính (*tại địa chỉ <https://csdl.dichvucong.gov.vn>*)/Trang thông tin điện tử của đơn vị; đồng thời, gửi về Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh để đăng tải công khai và niêm yết dữ liệu đúng theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, hoàn thiện, phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc ngành, lĩnh vực quản lý (*nếu có thay đổi*) để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh theo quy định.

- Kể từ ngày ban hành Quyết định này, trên cơ sở Quyết định công bố mới, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ thủ tục hành chính của các cơ quan Trung ương, Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm ban hành Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính và Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo ngành, lĩnh vực quản lý (*kể cả thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh*) theo đúng chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 30/8/2023.

3. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo bộ phận có liên quan phối hợp với Sở Tư pháp cập nhật đầy đủ danh mục thủ tục hành chính, quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lên Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh theo quy định (*chậm nhất trong thời gian 05 ngày kể từ ngày các Quyết định có hiệu lực*).

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo công khai, niêm yết đầy đủ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại Bộ phận một cửa các cấp và tổ chức thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Quyết định trước đây về công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Ban Chỉ đạo CCHC&CDS tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Trung tâm QTI, VNPT;
- CPVP;
- Lưu: VT, TTPVHCCQN, NCKS.

I:\Dropbox\CÔNG2023\RA SOAT-CHUAN HOA\QĐ CHUAN HOA\Thanhtra\0109-QĐ CH.doc

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Quang Bửu

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP
(Ban hành Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (130)										
I. THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH (12)										
1. Lĩnh vực nuôi con nuôi (4)										
1.1	1.00397 6.000.00 .00.H47	Giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian cơ quan chủ quản cho ý kiến gửi Sở Tư pháp: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người có liên quan: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến. - Thời gian cơ quan công an cấp tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em đối với trẻ em bị bỏ rơi: 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp. <p>Trường hợp Công an cấp tỉnh đã xác minh được thông tin về cha mẹ đẻ của trẻ em bị bỏ rơi nhưng không liên hệ được, thời gian Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối</p>	Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam (06 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x			<p>Lệ phí : 9.000.000 đồng/trường hợp.</p> <p>Trường hợp nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi thì từ trẻ em thứ hai trở đi được giảm 50% mức lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư liên tịch số 146/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 7 tháng 9 năm 2012 giữa Bộ Tài Chính và Bộ Tư pháp; - Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 	Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 về việc phân cấp cho Sở Tư pháp thẩm quyền thực hiện một số nội dung trong lĩnh vực nuôi con nuôi, lĩnh vực quản lý về hội, lĩnh vực công chứng, thừa phát lại, giám định tư pháp, đấu giá, trợ giúp pháp lý

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			<p>cùng của cha mẹ đẻ trẻ em thực hiện niêm yết thông báo về việc cho trẻ em bị bỏ rơi làm con nuôi tại trụ sở cơ quan: 60 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh (đối với Sở Tư pháp) và 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp (đối với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ em).</p> <p>- Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí.</p> <p>- Thời gian Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em làm con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi.</p> <p>- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến đối với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 28 và khoản 3 Điều 36 Luật nuôi con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giải quyết</p>						<p>21 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p>	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			<p>việc nuôi con nuôi của Sở Tư pháp.</p> <p>- Thời gian Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú thông báo về sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi, xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi.</p> <p>- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày</p>							
1.2	1.100487 8.000.00. 00.H47	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dưỡng, mẹ	- Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người có liên quan, xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài: 20 ngày,	Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam (06 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Tam Kỳ,	x			Lệ phí: + Áp dụng mức giảm 50% lệ phí đăng ký nuôi con nuôi	- Luật Nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi	Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con	<p>kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 30 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến.</p> <p>- Đối với trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi ở những nước chưa có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi quốc tế với Việt Nam: Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định.</p> <p>- Đối với trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi ở những nước có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi quốc tế với Việt Nam trong khuôn khổ Công ước Lahay 1993:</p> <p>+ Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định.</p>	<i>tỉnh Quảng Nam)</i>				<p>nước ngoài: 4.500.000đ/trường hợp nhận 01 trẻ em làm con nuôi.</p> <p>+ Trường hợp đồng thời nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi: được lựa chọn áp dụng mức giảm lệ phí như trên hoặc áp dụng mức giảm 50% lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài từ trẻ em thứ hai trở đi được nhận làm con nuôi (mức lệ phí chưa giảm: 9.000.000 đồng/trường hợp).</p>	<p>tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</p> <p>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</p> <p>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;</p> <p>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;</p> <p>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự</p>	29/5/2023 về việc phân cấp cho Sở Tư pháp thẩm quyền thực hiện một số nội dung trong lĩnh vực nuôi con nuôi, lĩnh vực công chứng, thừa phát lại, giám định tư pháp, đấu giá, trợ giúp pháp lý

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			<p>+ Thời gian Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi.</p> <p>- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.</p>						toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt	
1.3	1.00316 0.000.00 .00.H47	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	50	Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam (06 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x			Lệ phí: 4.500.000 đồng/trường hợp.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ ; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 	Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 về việc phân cấp cho Sở Tư pháp thẩm quyền thực hiện một số nội dung trong lĩnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	vực nuôi con nuôi, lĩnh vực quản lý về hội, lĩnh vực công chứng, thừa phát lại, giám định tư pháp, đấu giá, trợ giúp pháp lý
1.4	1.00317 9.000.00 .00.H47	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	05	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x			Không	- Luật Nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 UBND tỉnh;
2. Lĩnh vực công chứng (4)										
2.1	1.00164 7.000.00 .00.H47	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp lấy ý kiến của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên (ở những nơi đã	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp,	x	x		Không quy định	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ	Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			thành lập), trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.	Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)					quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng.	UBND ngày 29/5/2023 của UBND tỉnh
2.2	1.00187 7.000.00 .00.H47	Thành lập Văn phòng công chứng	Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng.	Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của UBND tỉnh.
2.3	1.00168 8.000.00 .00.H47	Hợp nhất Văn phòng công chứng	- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP, Sở Tư pháp lấy ý kiến của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên (ở những nơi	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một	Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của UBND tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			đã thành lập), trình UBND cấp tỉnh; - Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép hợp nhất Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.						số điều của Luật Công chứng; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng.	
2.4	1.00166 5.000.00 .00.H47	Sáp nhập Văn phòng công chứng	- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp lấy ý kiến của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên (ở những nơi đã thành lập), trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép sáp nhập Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		Không quy định	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng.	Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của UBND tỉnh.
3. Lĩnh vực thừa phát lại (4)										
3.1	1.00892 9.000.00 .00.H47	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	20	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ,	x		x	1.000.000đ	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày	Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
				tỉnh Quảng Nam)					28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại - Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thừa phát lại; phí thẩm định điều kiện thành lập, hoạt động Văn phòng Thừa phát lại.	29/5/2023 của UBND tỉnh
3.2	1.00893 2.000.00 .00.H47	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	30	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x	Không quy định	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại	Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của UBND tỉnh.	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
3.3	1.00893 4.000.00 .00.H47	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	30	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		Không quy định	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại	Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của UBND tỉnh
3.4	1.00893 6.000.00 .00.H47	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	30	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		Không quy định	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại	Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của UBND tỉnh
Tổng cộng		12								
II. THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH (9)										
1. Lĩnh vực quốc tịch (3)										

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
1.1	2.00203 9.000.00 .00.H47	Nhập quốc tịch Việt Nam	102 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền), trong đó: Cấp tỉnh: 42 ngày , Trung ương: 60 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x			3.000.000 đồng/ trường hợp. - Các trường hợp miễn lệ phí: + Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Thông Tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó) + Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú.		
1.2	2.00203 8.000.00 .00.H47	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	79 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền), trong đó: Cấp tỉnh: 29 ngày, Trung ương: 50 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x			2.500.000 đồng/ trường hợp * Các trường hợp được miễn lệ phí: + Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Thông Tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								<p>khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó).</p> <p>+ Người mất quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú.</p>	<p>và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.</p> <p>- Quyết định số 3412/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND tỉnh phê duyệt danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, ngành thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành - Quyết định số 3412/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND tỉnh phê duyệt danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, ngành thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành.</p>	
1.3	2.00203 6.000.00 .00.H47	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	69 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền), trong đó: Cấp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B	x			2.500.000 đồng/ trường hợp.	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			tính: 29 ngày, Trung ương: 40 ngày	Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)					03/02/2020 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Thông Tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.	
2. Lĩnh vực giám định tư pháp (6)										
2.1	1.00112 2.000.00 .00.H47	Bổ nhiệm Giám định viên tư pháp	07	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		Không quy định	Luật giám định tư pháp năm 2012; Luật số 56/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội khóa IVX sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp; Thông tư số 11/2020/TT-BTP ngày	Đã ủy quyền giải quyết

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp.	
2.2	2.00089 4.000.00 .00.H47	Miễn nhiệm Giám định viên tư pháp	07	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định	Luật giám định tư pháp năm 2012; Luật số 56/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội khóa IVX sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp; Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp;	Đã ủy quyền giải quyết
2.3	2.00089 0.000.00 .00.H47	Cấp phép thành lập Văn phòng Giám định tư pháp	20	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định	- Luật Giám định tư pháp năm 2012. - Luật số 56/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội khóa IVX sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp. - Nghị định số 85/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi	Đã ủy quyền giải quyết

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp.	
2.4	2.00056 8.000.00 .00.H47	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng Giám định tư pháp	Trong thời hạn 22 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		Không quy định	Luật Giám định tư pháp năm 2012; Luật số 56/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội khóa IVX sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp. Nghị định số 85/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp. Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp;	Đã ủy quyền giải quyết
2.5	1.00121 6.000.00 .00.H47	Chuyển đổi loại hình Văn phòng Giám định tư pháp	09	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		Không quy định	Luật Giám định tư pháp năm 2012. Luật số 56/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội khóa IVX sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp. Nghị định số 85/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi	Đã ủy quyền giải quyết

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp. Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp;	
2.6	1.00983 2.000.00 .00.H47	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp	20	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		Không quy định	Luật số 56/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội khóa IVX sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp. Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp; Thông tư số 11/2020/TT-BTP ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp.	Đã ủy quyền giải quyết

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
Tổng cộng		09								
III. THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP (109+12PC+6UQ)										
1. Lĩnh vực luật sư (14)										
1.1	1.00201 0.000.00 .00.H47	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	07	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	50.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006. - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Luật sư. - Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư và Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư. - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp. 	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
1.2	1.00203 2.000.00 .00.H47	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	05	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		50.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006. - Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư và Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư. - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp. 	
1.3	1.00205 5.000.00 .00.H47	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	05	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		50.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006. - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Luật sư. - Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp.; 	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính;	
1.4	1.00207 9.000.00 .00.H47	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	05	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		50.000 đồng	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006. - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.	
1.5	1.00209 9.000.00 .00.H47	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	05	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x			50.000 đồng	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006. - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính;	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
1.6	1.00215 3.000.00 .00.H47	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	05	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012. - Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp.	
1.7	1.00218 1.000.00 .00.H47	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	10	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	2.000.000 đồng	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012. - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp.	
1.8	1.00219 8.000.00 .00.H47	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	03	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	1.000.000 đồng	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012. - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp;	
1.9	1.00221 8.000.00 .00.H47	Hợp nhất công ty luật	10	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		Không quy định	- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư. - Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp;	
1.10	1.00223 4.000.00 .00.H47	Sáp nhập công ty luật	10	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		Không quy định	- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp;	
1.11	1.00870 9.000.00 .00.H47	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, Chuyển đổi	07	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ,	x	x		Không quy định	- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		văn phòng luật sư thành công ty luật		tỉnh Quảng Nam)					24/6/2021 của Bộ Tư pháp;	
1.12	1.00239 8.000.00 .00.H47	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyên đổi từ công ty luật nước ngoài	07	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		50.000 đồng	Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính;	
1.13	1.00238 4.000.00 .00.H47	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	07	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		600.000 đồng	- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy; - Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính;	
1.14	1.00236 8.000.00 .00.H47	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	05	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		2.000.000 đồng	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012; - Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
2. Lĩnh vực tư vấn pháp luật (6)										
2.1	1.00062 7.000.00 .00.H47	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	05	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/7/2008 về tư vấn pháp luật; - Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ Tư pháp.	
2.2	1.00061 4.000.00 .00.H47	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	05	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/7/2008 về tư vấn pháp luật; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ Tư pháp;	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									- Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ Tư pháp;	
2.3	1.00042 6.000.00 .00.H47	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	05	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/7/2008 về tư vấn pháp luật; - Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ Tư pháp;	
2.4	1.00040 4.000.00 .00.H47	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ,	x		x	Không quy định	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
				tỉnh Quảng Nam)					16/7/2008 về tư vấn pháp luật; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ Tư pháp; - Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh;	
2.5	1.00058 8.000.00 .00.H47	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	05	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		Không quy định	Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/7/2008 về tư vấn pháp luật; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ Tư pháp.	
2.6	1.00039 0.000.00 .00.H47	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	05	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định	Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
3. Lĩnh vực công chứng (18)										
3.1	1.00107 1.000.00 .00.H47	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	07	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.	
3.2	1.00112 5.000.00 .00.H47	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ Tổ chức hành nghề công chứng này sang Tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	05	Trung tâm Phục vụ hành chính công (159b Trần Quý Cáp, thành phố Tam kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.	
3.3	1.00115 3.000.00 .00.H47	Thay đổi nơi tập sự từ Tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang Tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh,	- Đối với trường hợp: Người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp nơi đã đăng ký tập sự thông báo bằng văn bản cho tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự và Người tập sự về	Trung tâm Phục vụ hành chính công (159b Trần Quý Cáp, thành phố Tam kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		thành phố trực thuộc Trung ương khác	việc rút tên người tập sự khỏi Danh sách Người tập sự của Sở Tư pháp, đồng thời xác nhận thời gian tập sự, nơi tập sự và số lần tạm ngừng tập sự (nếu có) của Người tập sự tại địa phương mình; - Đối với trường hợp đăng ký tập sự sau khi thay đổi nơi đã đăng ký tập sự: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp ghi tên người đăng ký tập sự vào Danh sách Người tập sự hành nghề công chứng của Sở Tư pháp. Trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.							
3.4	1.00143 8.000.00 .00.H47	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	05	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.	
3.5	1.00144 6.000.00 .00.H47	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	07	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
3.6	1.00172 1.000.00 .00.H47	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho Người đăng ký về việc ghi tên người đó vào danh sách đề nghị Bộ Tư pháp cho tham dự kiểm tra kết quả tập sự	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	3.500.000 đồng/ hồ sơ	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;	
3.7	1.00175 6.000.00 .00.H47	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	07	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		100.000 đồng/ hồ sơ	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài	
3.8	1.00179 9.000.00 .00.H47	Cấp lại Thẻ công chứng viên	05	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		100.000 đồng/hồ sơ.	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;	
3.9	2.00238 7.000.00 .00.H47	Xóa đăng ký hành nghề và thu hồi Thẻ công chứng	05	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B	x		x	Không quy định	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		viên trường hợp công chứng viên không còn hành nghề tại tổ chức hành nghề công chứng		Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)					03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng.	
3.10	1.00187 7.000.00 .00.H47	Thành lập Văn phòng công chứng	Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;	Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của UBND tỉnh
3.11	2.00078 9.000.00 .00.H47	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	10	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	1.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;	
3.12	2.00077 8.000.00 .00.H47	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	07	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp,	x		x	- 500.000 đồng/hồ sơ đối với trường hợp cấp lại Giấy	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
				Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)				đăng ký hoạt động khi thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, Trưởng Văn phòng công chứng; - Không thu phí đối với trường hợp ghi nhận nội dung thay đổi đăng ký hoạt động khi thay đổi công chứng viên hợp danh hoặc công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng.	15/3/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;	
3.13	1.00168 8.000.00 .00.H47	Hợp nhất Văn phòng công chứng	- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP, Sở Tư pháp lấy ý kiến của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên (ở những nơi đã thành lập), trình UBND cấp tỉnh; - Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép hợp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		Không quy định	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;	Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của UBND tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			nhất Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.							
3.14	2.00076 6.000.00 .00.H47	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	10	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	1.000.000 đồng/hồ sơ.	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;	
3.15	1.00166 5.000.00 .00.H47	Sáp nhập Văn phòng công chứng	- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp lấy ý kiến của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên (ở những nơi đã thành lập), trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép sáp nhập Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		Không quy định	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;	Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của UBND tỉnh
3.16	2.00075 8.000.00 .00.H47	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của	07	Trung tâm Phục vụ hành chính công	x		x	500.000 đồng/hồ sơ.	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13;	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		Văn phòng công chứng nhận sáp nhập		tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)					- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;	
3.17	1.00164 7.000.00 .00.H47	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp lấy ý kiến của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên (ở những nơi đã thành lập), trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		Không quy định	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng.	Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của UBND tỉnh.
3.18	2.00074 3.000.00 .00.H47	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng	07	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ,	x		x	500.000 đồng/hồ sơ.	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ;	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
				tỉnh Quảng Nam)					- Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;	
4. Lĩnh vực giám định tư pháp (9)										
4.1	1.00112 2.000.00 .00.H47	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	07	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		Không quy định	Luật giám định tư pháp năm 2012; Luật số 56/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội khóa IVX sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp; Thông tư số 11/2020/TT-BTP ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;	Đã ủy quyền cho Giám đốc Sở Tư pháp Quyết định 1726/QĐ-UBND ngày 16/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
4.2	2.00089 4.000.00 .00.H47	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	07	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định	Luật giám định tư pháp năm 2012; Luật số 56/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội khóa IVX sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp; Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;	Đã ủy quyền cho Giám đốc Sở Tư pháp Quyết định 1726/QĐ-UBND ngày 16/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
4.3	1.00983 2.000.00 .00.H47	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp	20	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		Không quy định	Luật số 56/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội khóa IVX sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp. - Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ; Thông tư số 11/2020/TT-BTP ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;	Đã ủy quyền cho Giám đốc Sở Tư pháp Quyết định 1726/QĐ-UBND ngày 16/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
4.4	2.00089 0.000.00 .00.H47	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	20	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định	- Luật Giám định tư pháp năm 2012. - Luật số 56/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội khóa IVX sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp. - Nghị định số 85/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp.	Đã ủy quyền cho Giám đốc Sở Tư pháp Quyết định 1726/QĐ-UBND ngày 16/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
4.5	2.00082 3.000.00 .00.H47	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định	Luật Giám định tư pháp năm 2012. Luật số 56/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội khóa IVX sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp.	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									Nghị định số 85/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp. Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;	
4.6	2.00056 8.000.00 .00.H47	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	Trong thời hạn 22 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		Không quy định	Luật Giám định tư pháp năm 2012; Luật số 56/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội khóa IVX sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp. Nghị định số 85/2013/NĐ-CP của Chính phủ; - Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;	Đã ủy quyền cho Giám đốc Sở Tư pháp Quyết định 1726/QĐ-UBND ngày 16/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
4.7	1.00121 6.000.00 .00.H47	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	09	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		Không quy định	Luật Giám định tư pháp năm 2012. Luật số 56/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội khóa IVX sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp. Nghị định số 85/2013/NĐ-CP của Chính phủ;	Đã ủy quyền cho Giám đốc Sở Tư pháp Quyết định 1726/QĐ-UBND ngày 16/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									- Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;	
4.8	2.00055 5.000.00 .00.H47	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp	05	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		Không quy định	Luật Giám định tư pháp năm 2012. Luật số 56/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội khóa IVX sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp. Nghị định số 85/2013/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;	
4.9	1.00111 7.000.00 .00.H47	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	05	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		Không quy định	Luật Giám định tư pháp năm 2012. Luật số 56/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội khóa IVX sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp. Nghị định số 85/2013/NĐ-CP của Chính phủ; - Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
5. Lĩnh vực đấu giá (8)										
5.1	2.00181 5.000.00 .00.H47	Cấp Thẻ đấu giá viên	05	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x			Không quy định	- Luật đấu giá tài sản. - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp.
5.2	2.00180 7.000.00 .00.H47	Cấp lại Thẻ đấu giá viên	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x			Không quy định	- Luật đấu giá tài sản. - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp; - Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh;
5.3	2.00139 5.000.00 .00.H47	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	10	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x			x	1.000.000 đồng	- Luật đấu giá tài sản. - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									06/10/2017 của Bộ Tài chính	
5.4	2.00133 3.000.00 .00.H47	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	05	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		500.000 đồng	- Luật đấu giá tài sản. - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ Tài chính.	
5.5	2.00125 8.000.00 .00.H47	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	07	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	500.000 đồng	- Luật đấu giá tài sản. - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ Tài chính;	
5.6	2.00124 7.000.00 .00.H47	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	07	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x		- Luật đấu giá tài sản. - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									16/5/2017 của Bộ Tư pháp.	
5.7	2.00122 5.000.00 .00.H47	Phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được Đề án thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến của tổ chức đấu giá tài sản, Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, phê duyệt tổ chức đấu giá tài sản đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x		- Luật đấu giá tài sản. - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ	
5.8	2.00213 9.000.00 .00.H47	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	2.700.000 đồng	- Luật đấu giá tài sản. - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ Tài chính.	
6. Lĩnh vực quản lý, thanh lý tài sản (5)										
6.1	1.00262 6.000.00 .00.H47	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	07	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	500.000 đồng	- Luật Phá sản ngày 19 tháng 6 năm 2014. - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính;	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
6.2	1.00184 2.000.00 .00.H47	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	05	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	500.000 đồng	- Luật Phá sản ngày 19 tháng 6 năm 2014. - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.	
6.3	1.00163 3.000.00 .00.H47	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	03	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định	- Luật Phá sản ngày 19 tháng 6 năm 2014. - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ;	
6.4	1.00160 0.000.00 .00.H47	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản								
6.5	1.00872 7.000.00 .00.H47	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh quản lý, thanh lý tài sản hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	07	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định	- Luật Phá sản ngày 19 tháng 6 năm 2014. - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ;	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
7. Lĩnh vực thừa phát lại (13)										
7.1	1.00892 5.000.00 .00.H47	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	07	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định		
7.2	1.00892 6.000.00 .00.H47	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	05	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;	
7.3	1.00892 7.000.00 .00.H47	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại	10 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		Không quy định		
7.4	1.00892 8.000.00 .00.H47	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại	07	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		Không quy định		

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
7.5	1.00892 9.000.00 .00.H47	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	20 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	1.000.000đ	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của UBND tỉnh
7.6	1.00893 0.000.00 .00.H47	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	10 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
7.7	1.00893 1.000.00 .00.H47	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	- Đối với trường hợp thay đổi Trường Văn phòng thì thời hạn cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng Thừa phát lại là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với các trường hợp thay đổi khác thì thời hạn cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng Thừa phát lại là 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		500.000 đồng	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư 05/2021/TT-BTC ngày 20/01/2021 của Bộ Tài chính	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
7.8	1.00893 2.000.00 .00.H47	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		Không quy định	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;	Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của UBND tỉnh
7.9	1.00893 3.000.00 .00.H47	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	07	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;	
7.10	1.00893 4.000.00 .00.H47	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		Không quy định	- Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;	Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của UBND tỉnh
7.11	1.00893 5.000.00 .00.H47	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	07	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		500.000 đồng	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư 05/2021/TT-BTC ngày 20/01/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi,	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									bổ sung một số điều của Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;	
7.12	1.00893 6.000.00 .00.H47	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	30	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		Không quy định	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;	Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của UBND tỉnh
7.13	1.00893 7.000.00 .00.H47	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	07	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		500.000 đồng	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư 05/2021/TT-BTC ngày 20/01/2021 của Bộ Tài chính.	
8. Lĩnh vực lý lịch tư pháp (3)										
8.1	2.00048 8.000.00 .00.H47	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ,	x			- Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp 200.000đồng /lần/người.	- Luật Lý lịch tư pháp năm 2009; - Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		trú tại Việt Nam	ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày.	tỉnh Quảng Nam)				<ul style="list-style-type: none"> - Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ (gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ (hoặc chồng), con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi dưỡng liệt sỹ). 100.000đồng /lần/người. Trường hợp người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp đề nghị cấp trên 02 Phiếu lý lịch tư pháp trong một lần yêu cầu, thì kê từ Phiếu thứ 3 trở đi tổ chức thu phí được thu thêm 5.000 đồng/Phiếu để bù đắp chi 	<ul style="list-style-type: none"> số điều của Luật Lý lịch tư pháp; - Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp; - Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp; - Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính; - Quy chế số 02/QCPH-TLLTPQG-C53 ngày 29/6/2018 của Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia và Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát về phối hợp tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP. 	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								<p>phí cần thiết cho việc in mẫu Phiếu lý lịch tư pháp. * Trường hợp miễn phí + Trẻ em theo quy định tại Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. + Người cao tuổi theo quy định tại Luật người cao tuổi. + Người khuyết tật theo quy định tại Luật người khuyết tật. + Người thuộc hộ nghèo theo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.</p>		

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								+ Người cư trú tại các xã đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quy định của pháp luật.		
8.2	2.00141 7.000.00 .00.H47	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định	- Luật Lý lịch tư pháp năm 2009; - Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ; - Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp; - Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp; - Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									11 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính; - Quy chế số 02/QCPH-TLLTPQG-C53 ngày 29/6/2018 của Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia và Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát về phối hợp tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP.	
8.3	2.00050 5.000.00 .00.H47	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày. Trường hợp khẩn cấp thì thời hạn không quá 24 giờ, kể từ thời điểm nhận được yêu cầu.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định	- Luật Lý lịch tư pháp năm 2009; - Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ; - Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp; - Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp;	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính; - Quy chế số 02/QCPH-TLLTPQG-C53 ngày 29/6/2018 của Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia và Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát về phối hợp tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP. 	
9. Lĩnh vực hộ tịch (3)										
9.1	2.00063 5.000.00 .00.H47	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; 	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. 	
9.2	1.00893 8.000.00 .00.H47	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài	05	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định	Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.	
9.3	2.00251 6. 000.00.0 0.H47	Xác nhận thông tin hộ tịch	03 ngày. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	8.000 đồng/Văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; 	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. 	
10. Lĩnh vực trọng tài thương mại (6)										
10.1	1.00888 9.000.00 .00.H47	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	15 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	1.500.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trọng tài thương mại năm 2010 số 54/2010/QH12 của Quốc hội khóa 12; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/09/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 7/11/2012 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính; 	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									- Quyết định số 1955/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp.	
10.2	1.00889 0.000.00 .00.H47	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	10	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	1.000.000 đồng	- Luật Trọng tài thương mại năm 2010 số 54/2010/QH12 của Quốc hội khóa 12; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/09/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 7/11/2012 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 1955/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp;	
10.3	1.00890 4.000.00 .00.H47	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký	15	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		- 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) đối với thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của	- Luật Trọng tài thương mại năm 2010 số 54/2010/QH12 của Quốc hội khóa 12; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ;	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam						Trung tâm trọng tài; -3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) đối với thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung tâm trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.	- Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/09/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 7/11/2012 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 1955/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp;	
10.4	1.00890 5.000.00 .00.H47	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	07	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		500.000 đồng	- Luật Trọng tài thương mại năm 2010 số 54/2010/QH12 của Quốc hội khóa 12; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/09/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 7/11/2012 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính;	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									- Quyết định số 1955/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp;	
10.5	1.00890 6.000.00 .00.H47	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác	07	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x	x		5.000.000 đồng	- Luật Trọng tài thương mại năm 2010 số 54/2010/QH12 của Quốc hội khóa 12; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/09/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 7/11/2012 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 1955/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp.	
10.6	1.00124 8.000.00 .00.H47	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của	15 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x			Phí thẩm định Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài:	- Luật Trọng tài thương mại năm 2010 số 54/2010/QH12 của Quốc hội khóa 12; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam						<p>1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)</p> <p>Phí thẩm định Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh Trung tâm trọng tài:</p> <p>1.000.000 (một triệu đồng)</p> <p>Phí thẩm định Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam:</p> <p>5.000.000 (năm triệu đồng)</p>	<p>28/7/2011 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 7/11/2012 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
11. Lĩnh vực hòa giải thương mại (7)										
11.1	1.00891 3.000.00 .00.H47	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác	15 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định	<p>-Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại.</p> <p>- Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Quyết định số 1956/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp.</p>	
11.2	1.00891 4.000.00 .00.H47	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh	05	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định	<p>Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại.</p> <p>- Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Quyết định số 1956/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp.</p>	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam							pháp.	
11.3	1.00891 5.000.00 .00.H47	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác	10 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định		
11.4	2.00051 5.000.00 .00.H47	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại	05	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B	x		x	Không quy định	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động		Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)					24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại. - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;	
11.5	2.00204 7.000.00 .00.H47	Thay đổi tên gọi trong giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	07	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định	Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại.	
11.6	1.00891 6.000.00 .00.H47	Thay đổi tên gọi, Trụ sở chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	07	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x		x	Không quy định	Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại.	
11.7	2.00171 6.000.00 .00.H47	Đăng ký hoạt động chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại								
12. Lĩnh vực nuôi con nuôi (6)										

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
12.1	1.00317 9.000.00 .00.H47	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x			Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 	Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của UBND tỉnh
12.2	2.00234 9.000.00 .00.H47	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi.	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x			Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. 	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
12.3	1.10048 78.000.0 0.00.H4 7	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người có liên quan, xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 30 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến. - Đối với trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi ở những nước chưa có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi quốc tế với Việt Nam: Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định. - Đối với trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi ở những nước có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi quốc tế với Việt Nam trong khuôn khổ Công ước Lahay 1993: +Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con 	Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam (06 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x			<p>Lệ phí: + Áp dụng mức giảm 50% lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài: 4.500.000đ/trường hợp nhận 01 trẻ em làm con nuôi. + Trường hợp đồng thời nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi: được lựa chọn áp dụng mức giảm lệ phí như trên hoặc áp dụng mức giảm 50% lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài từ trẻ em thứ hai trở đi được nhận làm con nuôi (mức lệ phí chưa giảm: 9.000.000</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ 	Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 về việc phân cấp cho Sở Tư pháp thẩm quyền thực hiện một số nội dung trong lĩnh vực nuôi con nuôi, lĩnh vực quản lý về hội, lĩnh vực công chứng, thừa phát lại, giám định tư pháp, đấu giá, trợ giúp pháp lý

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			<p>nuôi thường trú: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định.</p> <p>+ Thời gian Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi.</p> <p>- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.</p>					đồng/trường hợp).	<p>chức con nuôi nước ngoài;</p> <p>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt</p>	
12.4	1.00397 6.000.00 .00.H47	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	<p>- Thời gian cơ quan chủ quản cho ý kiến gửi Sở Tư pháp: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>- Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người có liên quan: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam (06 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x			<p>Lệ phí : 9.000.000 đồng/trường hợp.</p> <p>Trường hợp nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con</p>	<p>- Luật Nuôi con nuôi;</p> <p>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ;</p>	Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của UBND tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến. - Thời gian cơ quan công an cấp tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em đối với trẻ em bị bỏ rơi: 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp. <p>Trường hợp Công an cấp tỉnh đã xác minh được thông tin về cha mẹ đẻ của trẻ em bị bỏ rơi nhưng không liên hệ được, thời gian Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ em thực hiện niêm yết thông báo về việc cho trẻ em bị bỏ rơi làm con nuôi tại trụ sở cơ quan: 60 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh (đối với Sở Tư pháp) và 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp (đối với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ em).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí. - Thời gian Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em làm con nuôi: 30 					<p>nuôi thì từ trẻ em thứ hai trở đi được giảm 50% mức lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư liên tịch số 146/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 7 tháng 9 năm 2012 giữa Bộ Tài Chính và Bộ Tư pháp; - Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			<p>ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi.</p> <p>- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến đối với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 28 và khoản 3 Điều 36 Luật nuôi con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi của Sở Tư pháp.</p> <p>- Thời gian Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú thông báo về sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi, xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi.</p> <p>- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p>							

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			- Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày							
12.5	1.00487 8.000.00 .00.H47	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	- Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người có liên quan, xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 30 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến. - Đối với trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi ở những nước chưa có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi quốc tế với Việt Nam: Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định. - Đối với trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi ở	Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam (06 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x			Lệ phí: + Áp dụng mức giảm 50% lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài: 4.500.000đ/trường hợp nhận 01 trẻ em làm con nuôi. + Trường hợp đồng thời nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi: được lựa chọn áp dụng mức giảm lệ phí như trên hoặc áp dụng mức giảm 50% lệ phí đăng ký	- Luật Nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu	Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của UBND tỉnh.

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			<p>những nước có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi quốc tế với Việt Nam trong khuôn khổ Công ước Lahay 1993:</p> <p>+ Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định.</p> <p>+ Thời gian Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi.</p> <p>- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể</p>					<p>nuôi con nuôi nước ngoài từ trẻ em thứ hai trở đi được nhận làm con nuôi (mức lệ phí chưa giảm: 9.000.000 đồng/trường hợp).</p>	<p>trữ số, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;</p> <p>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;</p> <p>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt</p>	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.							
12.6	1.00316 0.000.00 .00.H47	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	50 ngày	Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam (06 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x			Lệ phí: 4.500.000 đồng/trường hợp.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; 	Đã phân cấp cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của UBND tỉnh
13. Lĩnh vực quốc tịch (5)										
13.1	2.00189 5.000.00 .00.H47	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	03	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x			100.000 đồng/trường hợp. - Các trường hợp được miễn phí: + Người di cư từ Lào được phép cư trú theo quy định của điều	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ; - Thông Tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								<p>ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p> <p>+ Kiêu bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú.</p>	14/11/2016 của Bộ Tài chính.	
13.2	1.00513 6.000.00 .00.H47	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	<p>Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền</p> <p>- 20 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh có quốc tịch Việt Nam;</p> <p>- 55 ngày làm việc đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam.</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)</p>	x			<p>100.000 đồng/trường hợp.</p> <p>- Các trường hợp được miễn phí:</p> <p>+ Người di cư từ Lào được phép cư trú theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa</p>	<p>- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.</p> <p>- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.</p> <p>- Thông Tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản</p>	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								Việt Nam là thành viên. + Kiêu bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú.	lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.	
13.3	2.00203 9.000.00 .00.H47	Nhập quốc tịch Việt Nam	102 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền), trong đó: Cấp tỉnh: 42 ngày , Trung ương: 60 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x			3.000.000 đồng/ trường hợp. - Các trường hợp miễn lệ phí: + Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Thông Tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								<p>chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó)</p> <p>+ Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú.</p>	<p>chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.</p>	
13.4	2.00203 8.000.00 .00.H47	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	69 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền), trong đó: Cấp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B	x			2.500.000 đồng/ trường hợp.	<p>- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.</p> <p>- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày</p>	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			tính: 29 ngày, Trung ương: 40 ngày	Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)					03/02/2020 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Thông Tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.	
13.5	2.00203 6.000.00 .00.H47	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	79 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền), trong đó: Cấp tỉnh: 29 ngày, Trung ương: 50 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x			2.500.000 đồng/ trường hợp * Các trường hợp được miễn lệ phí: + Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Thông Tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								<p>vệ Tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó).</p> <p>+ Người mất quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó</p>	<p>Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch.</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.</p> <p>- Quyết định số 3412/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND tỉnh phê duyệt danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, ngành thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành - Quyết định số 3412/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND tỉnh phê duyệt danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, ngành thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành.</p>	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								khẩn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú.		
14. Lĩnh vực trợ giúp pháp lý (12)										
14.1	2.00097 7.000.00 .00.H47	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư	- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Tổ đánh giá luật sư phải hoàn thành việc đánh giá. Trường hợp cần thiết, có thể kéo dài thời gian đánh giá nhưng không quá 05 ngày làm việc. - Trung tâm Trợ giúp pháp lý có trách nhiệm thông báo kết quả lựa chọn đến các luật sư đã nộp hồ sơ. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông báo, luật sư được lựa chọn có trách nhiệm ký hợp đồng với Trung tâm	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước (73 Phan Châu Trinh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x			Không quy định	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ Tư pháp; - Thông tư 12/2018/TT-BTP của Bộ Tư pháp;	
14.2	2.00097 0.000.00 .00.H47	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Tổ đánh giá luật sư phải hoàn thành việc đánh giá. Trường hợp cần thiết, có thể kéo dài thời gian đánh giá nhưng không quá 05 ngày làm việc. - Sở Tư pháp có trách nhiệm thông báo kết quả lựa chọn đến các luật sư đã nộp hồ sơ. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông báo, luật sư được lựa	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước (73 Phan Châu Trinh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x			Không quy định		

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			chọn có trách nhiệm ký hợp đồng với Sở Tư pháp.							
14.3	2.00095 4.000.00 .00.H47	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	05	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước (73 Phan Châu Trinh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x			Không quy định	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp	
14.4	2.00084 0.000.00 .00.H47	Thủ tục chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	03	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước (73 Phan Châu Trinh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x			Không quy định	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp.	
14.5	2.00082 9.000.00 .00.H47	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, người tiếp nhận yêu cầu phải kiểm tra các nội dung có liên quan đến yêu cầu trợ giúp pháp lý và trả lời ngay cho người yêu cầu về việc hồ sơ đủ điều kiện để thụ lý hoặc phải bổ sung giấy tờ, tài liệu có liên quan.	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh của Trung tâm, tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý	x			Không quy định	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ Tư pháp.	
14.6	2.00058 7.000.00 .00.H47	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên	07	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước (73	x			Không quy định	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017.	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		trợ giúp pháp lý		Phan Châu Trinh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)					- Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ Tư pháp;	
14.7	2.00051 8.000.00 .00.H47	Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	07	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước (73 Phan Châu Trinh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x			Không quy định	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 Bộ trưởng Bộ Tư pháp;	
14.8	2.00059 6.000.00 .00.H47	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	07	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước (73 Phan Châu Trinh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x			Không quy định	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp.	
14.9	1.00123 3.000.00 .00.H47	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	05	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước (73 Phan Châu Trinh, thành phố Tam Kỳ,	x			Không quy định	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp.	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
				tỉnh Quảng Nam)						
14.10	2.00059 2.000.00 .00.H47	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	- Đối với người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại. - Đối với Giám đốc Sở Tư pháp: 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.	- Người đứng đầu của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý. - Giám đốc Sở Tư pháp	x			Không quy định	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ Tư pháp.	
14.11	2.00168 0.000.00 .00.H47	Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh của Trung tâm. tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý.	x			Không quy định	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ Tư pháp;	
14.12	2.00168 7.000.00 .00.H47	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	03	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh, Chi nhánh của Trung tâm, tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý, tổ chức đăng ký tham	x			Không quy định	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ Tư pháp.	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
				gia trợ giúp pháp lý.						
15. Lĩnh vực bồi thường nhà nước (3)										
15.1	2.00219 3.000.00 .00.H47	Thủ tục xác định cơ quan giải quyết bồi thường	05	Sở Tư pháp (06 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	x			Không quy định	- Luật TNBTCNN năm 2017 ; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ ; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
15.2	2.00219 1.000.00 .00.H47	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	- Tiếp nhận hồ sơ: 12 ngày làm việc - Thụ lý hồ sơ và vào sổ thụ lý: 02 ngày làm việc - Cử người giải quyết bồi thường: 02 ngày làm việc - Tạm ứng kinh phí: 07 ngày làm việc - Xác minh thiệt hại: 15 đến 45 ngày Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại làm căn cứ để thương lượng việc bồi thường. - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại, cơ quan giải quyết bồi thường	Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp tỉnh.	x			Không quy định	- Luật TNBTCNN năm 2017 ; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật TNBTCNN; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước.	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			phải tiến hành thương lượng việc bồi thường. + Thời gian thương lượng: 25 ngày - Cơ quan giải quyết bồi thường phải gửi cho người yêu cầu bồi thường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản							
15.3	2.00219 1.000.00 .00.H47	Thủ tục phục hồi danh dự	15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến đồng ý của người bị thiệt hại hoặc yêu cầu của người bị thiệt hại về việc phục hồi danh dự.	Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp tỉnh.	x			Không quy định	- Luật TNBTCNN năm 2017 ; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật TNBTCNN; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước.	
16. Lĩnh vực biện pháp bảo đảm (5)										
16.1	1.01144 1.000.00 .00.H47	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	- Trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính	Nộp hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài	x			80.000 đồng/hồ sơ - Các trường hợp thu phí: Tổ chức, cá nhân yêu cầu đăng ký giao	- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm. - Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			<p>đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p> <p>- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:</p> <p>+ Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p> <p>+ Thời gian cơ quan đăng ký thực hiện thủ tục quy định tại</p>	<p>nguyên và Môi trường, Chi nhánh của Văn phòng đăng ký đất đai (sau đây gọi là Văn phòng đăng ký đất đai);</p> <p>Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ</p>			<p>dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án tại các cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm.</p> <p>- Trường hợp miễn:</p> <p>+ Cá nhân, hộ gia đình khi đăng ký giao dịch bảo đảm vay vốn tại tổ chức tín dụng để sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ</p> <p>+ Trường hợp yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho</p>	<p>ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam Quy định đối với một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh</p>		

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			khoản 2 Điều 35 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.					thuê tài chính do lỗi của đăng ký viên. + Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xóa thông báo việc kê biên.		
16.2	1.01144 2.000.00 .00.H47	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	<p>- Trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn</p>	<p>Nộp hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh của Văn phòng đăng ký đất đai (sau đây gọi là Văn phòng đăng ký đất đai);</p> <p>Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp</p>				<p>60.000 đồng/hồ sơ</p> <p>- Các trường hợp thu phí: Tổ chức, cá nhân yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án tại các cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm.</p> <p>- Trường hợp miễn:</p>	<p>- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.</p> <p>- Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam Quy định đối với một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh</p>	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			<p>thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p> <p>- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:</p> <p>+ Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p> <p>+ Thời gian cơ quan đăng ký thực hiện thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p>	<p>nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ</p>			<p>+ Cá nhân, hộ gia đình khi đăng ký giao dịch bảo đảm vay vốn tại tổ chức tín dụng để sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ .</p> <p>+ Trường hợp yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính do lỗi của đăng ký viên.</p> <p>+ Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi</p>			

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								hành án, xóa thông báo việc kê biên.		
16.3	1.01144 3.000.00 .00.H47	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	<p>- Trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p> <p>- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm: + Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng</p>	Nộp hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh của Văn phòng đăng ký đất đai (sau đây gọi là Văn phòng đăng ký đất đai); Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị				<p>20.000 đồng/hồ sơ</p> <p>- Các trường hợp thu phí: Tổ chức, cá nhân yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án tại các cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm.</p> <p>- Trường hợp miễn: + Cá nhân, hộ gia đình khi đăng ký giao dịch bảo đảm vay vốn tại tổ chức tín dụng để sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6</p>	<p>- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.</p> <p>- Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam Quy định đối với một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh</p>	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP. + Thời gian cơ quan đăng ký thực hiện thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP	trần thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ				năm 2015 của Chính phủ . + Trường hợp yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính do lỗi của đăng ký viên. + Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xóa thông báo việc kê biên.		
16.4	1.01144 4.000.00 .00.H47	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng	- Trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời	Nộp hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh của Văn phòng đăng ký đất đai (sau				70.000 đồng/hồ sơ - Các trường hợp thu phí: Tổ chức, cá nhân yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp	- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm. - Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		đất, tài sản gắn liền với đất	<p>hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p> <p>- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:</p> <p>+ Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p> <p>+ Thời gian cơ quan đăng ký thực hiện thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p>	<p>đây gọi là Văn phòng đăng ký đất đai);</p> <p>Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ</p>			<p>đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án tại các cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm.</p> <p>- Trường hợp miễn:</p> <p>+ Cá nhân, hộ gia đình khi đăng ký giao dịch bảo đảm vay vốn tại tổ chức tín dụng để sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ.</p> <p>+ Trường hợp yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính</p>	<p>Quảng Nam Quy định đối với một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh</p>		

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								do lỗi của đăng ký viên. + Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xóa thông báo việc kê biên.		
16.5	1.01144 5.000.00 .00.H47	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất	<p>- Trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì thời hạn giải quyết hồ sơ</p>	Nộp hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh của Văn phòng đăng ký đất đai (sau đây gọi là Văn phòng đăng ký đất đai); Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết	x			80.000 đồng/hồ sơ - Các trường hợp thu phí: Tổ chức, cá nhân yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án tại các cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm. - Trường hợp miễn: + Cá nhân, hộ gia đình khi	<p>- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.</p> <p>- Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam Quy định đối với một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh</p>	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			<p>được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p> <p>- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:</p> <p>+ Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p> <p>+ Thời gian cơ quan đăng ký thực hiện thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p>	<p>qua giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ</p>			<p>đăng ký giao dịch bảo đảm vay vốn tại tổ chức tín dụng để sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách;</p> <p>+ Trường hợp yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính do lỗi của đăng ký viên.</p> <p>+ Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xóa</p>			

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								thông báo việc kê biên.		
17. Lĩnh vực chứng thực (4)										
17.1	2.00081 5.000.00 .00.H47	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Thực hiện tại các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh	x			2.000đồng/trang; từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.	
17.2	2.00084 3.000.00 .00.H47	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ,	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu	Thực hiện tại các tổ chức hành nghề	x			2.000đồng/trang; từ trang thứ ba trở lên	Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.	tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng -thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	công chứng trên địa bàn tỉnh				thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.	
17.3	2.00088 4.000.00 .00.H47	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối	Thực hiện tại các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh	x			10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản)	Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		không ký, không điểm chỉ được)	chiều mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.						tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.	
17.4	2.00090 8.000.00 .00.H47	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.	Thực hiện tại các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh	x			Không quy định	Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.	
Tổng cộng		127								
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (33)										
1. Lĩnh vực hộ tịch (17)										
1.1	2.00052 8.000.00 .00.H47	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp	x	x		75.000 đồng/trường hợp. Thực hiện trực tuyến là 37.500 đồng/	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ ;	- Quyết định số 166/QĐ-STP ngày 23/8/2023 công bố Danh mục TTHC

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
				huyện có thẩm quyền				<p>trường hợp Miễn lệ phí đối với: Trẻ em; hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi.</p> <p>- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam; 	được giảm 50% mức thu lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								của Bộ Tài chính.	- Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 166/QĐ-STP ngày 23/8/2023 công bố Danh mục TTHC được giảm 50% mức thu lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp	
1.2	2.00080 6.000.00 .00.H47	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	15 ngày	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x	x	1.500.000 đồng/ trường hợp. Đối với đăng ký trực tuyến là 750.000 đồng/ trường hợp Miễn lệ phí đối với: Hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã,	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;	- Quyết định số 166/QĐ-STP ngày 23/8/2023 công bố Danh mục TTHC được giảm 50% mức thu lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								<p>thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam;</p> <p>- Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam;</p> <p>- Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam;</p> <p>- Quyết định số 166/QĐ-STP ngày 23/8/2023 của Sở Tư pháp</p>		
1.3	1.00166 9.000.00 .00.H47	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cư, 03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x	x	75.000 đồng/trường hợp. Thực hiện trực tuyến 37.500 đồng/trường hợp	<p>- Bộ luật Dân sự năm 2015;</p> <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p>		

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								<p>Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam. - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND 	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam;	
1.4	2.00075 6.000.00 .00.H47	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	02 ngày làm việc.	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x	x	75.000 đồng/trường hợp. Thực hiện trực tuyến là 37.500 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính;	- Quyết định số 166/QĐ-STP ngày 23/8/2023 công bố Danh mục TTHC được giảm 50% mức thu lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam. - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam; 	
1.5	2.00077 9.000.00 .00.H47	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x			<p>1.500.000 đồng/ trường hợp.</p> <p>Đối với đăng ký trực tuyến là 750.000 đồng/ trường hợp</p> <p>Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; 	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								<p>mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi.</p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>	<p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam;</p> <p>- Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam</p> <p>- Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam.</p>	
1.6	1.00169 5.000.00 .00.H47	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x	x	<p>- Đăng ký khai sinh: 75.000 đồng/trường hợp</p> <p>- Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 1.500.000 đồng</p>	<p>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</p> <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p>	- Quyết định số 166/QĐ-STP ngày 23/8/2023 công bố Danh mục TTHC được giảm 50% mức thu lệ phí đối với hoạt động dịch	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								<p>đồng/trường hợp</p> <p>Đăng ký trực tuyến thì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký khai sinh: 37.500 <p>đồng/trường hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 750.000 <p>đồng/trường hợp</p> <p>Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND bản tỉnh Quảng Nam - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND 	vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam;	
1.7	2.00074 8.000.00 .00.H47	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	- Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch , trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo - 03 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc . Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 06 ngày làm việc.	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x	x	30.000 đồng/trường hợp. Đăng ký trực tuyến 15.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;	- Quyết định số 166/QĐ-STP ngày 23/8/2023 công bố Danh mục TTHC được giảm 50% mức thu lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								<p>nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam. - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam; 	
1.8	2.00054 7.000.00 .00.H47	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh.	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x		x	75.000 đồng /trường hợp. Đối với đăng ký trực tuyến 37.500 đồng/ trường hợp Miễn lệ phí đối với: Hộ nghèo; người	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		giám hộ, nhận cha, mẹ, con. xác định cha, mẹ, con. nuôi con nuôi. khai tử. thay đổi hộ tịch).						cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam.	
1.9	2.00218 9.000.00 .00.H47	Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12 ngày.	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x		x	75.000 đồng /trường hợp. Đối với đăng ký trực tuyến 37.500 đồng/ trường hợp Miễn lệ phí đối với: Hộ	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;	- Quyết định số 166/QĐ-STP ngày 23/8/2023 công bố Danh mục TTHC được giảm 50% mức thu lệ phí đối với

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								<p>nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam. - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam;</p>	<p>hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp</p>	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
1.10	2.00055 4.000.00 .00.H47	Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết ở nước ngoài	12 ngày.	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x		x	75.000 đồng /trường hợp. Đối với đăng ký trực tuyến 37.500 đồng/ trường hợp Miễn lệ phí đối với: Hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017	- Quyết định số 166/QĐ-STP ngày 23/8/2023 công bố Danh mục TTHC được giảm 50% mức thu lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									của UBND tỉnh Quảng Nam. - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam;	
1.11	1.00176 6.000.00 .00.H47	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.</p>	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x	x	<p>75.000 đồng/trường hợp.</p> <p>Đối với đăng ký trực tuyến là 37.500 đồng/trường hợp</p> <p>Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân</p>	<p>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</p> <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày</p>	<p>- Quyết định số 166/QĐ-STP ngày 23/8/2023 công bố Danh mục TTHC được giảm 50% mức thu lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp</p>	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								tộc thiểu số ở các huyện miền núi	29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam;	
1.12	2.00052 2.000.00 .00.H47	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x	x	75.000 đồng/ trường hợp Đối với đăng ký trực tuyến 37.500 đồng/ trường hợp Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;	- Quyết định số 166/QĐ-STP ngày 23/8/2023 công bố Danh mục TTHC được giảm 50% mức thu lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								<p>nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam. - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam; 	
1.13	2.00051 3.000.00 .00.H47	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x			<p>1.500.000 đồng/trường hợp</p> <p>Đối với đăng ký trực tuyến thì 750.000 đồng/ trường hợp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; 	- Quyết định số 166/QĐ-STP ngày 23/8/2023 công bố Danh mục TTHC được giảm 50% mức thu lệ phí đối với hoạt động dịch

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								<p>Miễn lệ phí đối với: Hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam. - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam; 	vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp
1.14	2.00049 7.000.00 .00.H47	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc; trường hợp phải tiến hành xác minh thì thời	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính	x	x		75.000 đồng/ trường hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 	- Quyết định số 166/QĐ-STP ngày

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			hạn không quá 10 ngày làm việc	công của UBND cấp huyện có thẩm quyền				<p>Đối với đăng ký trực tuyến 37.500 đồng/trường hợp</p> <p>Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi.</p>	<p>15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP</i> ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam;;</p> <p>- Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam.</p> <p>- Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND</p>	<p>23/8/2023 công bố Danh mục TTHC được giảm 50% mức thu lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp</p>

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam;	
1.15	1.00089 3.000.00 .00.H47	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x	x	75.000 đồng/trường hợp Đối với đăng ký trực tuyến 37.500 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam;	- Quyết định số 166/QĐ-STP ngày 23/8/2023 công bố Danh mục TTHC được giảm 50% mức thu lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									- Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam. - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam;	
1.16	2.00063 5.000.00 .00.H47	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x		x	8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									26/11/2021 của Bộ Tài chính.	
1.17	2.00251 6. 000.00.0 0.H47	Xác nhận thông tin hộ tịch	03 ngày. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x		x	8.000 đồng/văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính.	
2. Lĩnh vực chứng thực (12)										
2.1	2.00090 8.000.00 .00.H47	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của	x		x	Không quy định	Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
				UBND cấp huyện có thẩm quyền						
2.2	2.00081 5.000.00 .00.H47	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	<ul style="list-style-type: none"> - Trong ngày làm việc; nhận sau 15 giờ thì trả vào ngày tiếp theo; - Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. - Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực. 	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x			2.000 đồng/trang; từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. - Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
2.3	2.00084 3.000.00 .00.H47	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước	<ul style="list-style-type: none"> - Trong ngày làm việc; nhận sau 15 giờ thì trả vào ngày tiếp theo; - Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều 	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x			2.000 đồng/trang; từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		ngoài. cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.	trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. - Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.					không quá 200.000 đồng/bản. - Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.	
2.4	2.00088 4.000.00 .00.H47	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực chỉ điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	- Trong ngày làm việc; nhận sau 15 giờ thì trả vào ngày tiếp theo; - Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x			- 10.000 đồng/ trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản)	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
2.5	2.00099 2.000.00 .00.H47	Chứng thực chữ ký người dịch mà người	- Trong ngày làm việc; nhận sau 15 giờ thì trả vào ngày tiếp theo;	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính	x			- 10.000 đồng/ trường hợp (trường	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		dịch là công tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	- Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định (thỏa thuận bằng văn bản) thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	công của UBND cấp huyện có thẩm quyền				hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản)	phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
2.6	2.00100 8.000.00 .00.H47	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là công tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	- Trong ngày làm việc; nhận sau 15 giờ thì trả vào ngày tiếp theo; - Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định (thỏa thuận bằng văn bản) thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x			- 10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản)	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	
2.7	2.00091 3.000.00 .00.H47	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	- Trong ngày làm việc; nhận sau 15 giờ thì trả vào ngày tiếp theo; - Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x			- 30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.		
2.8	2.00092 7.000.00 .00.H47	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	- Trong ngày làm việc; nhận sau 15 giờ thì trả vào ngày tiếp theo; - Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x			25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch		

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			(giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.							
2.9	2.00094 2.000.00 .00.H47	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	- Trong ngày làm việc; nhận sau 15 giờ thì trả vào ngày tiếp theo; - Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x		x	- 2.000 đồng/trang; từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. - Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	
2.10	2.00104 4.000.00 .00.H47	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	- Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. - Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x			- 50.000 đồng/ hợp đồng, giao dịch - Miễn phí đối với trường hợp: Cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng để phục vụ phát triển nông thôn theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-		

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ		
2.11	2.00105 0.000.00 .00.H47	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x			50.000 đồng/văn bản	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.	
2.12	2.00105 2.000.00 .00.H47	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x			50.000 đồng/văn bản	- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	
3. Lĩnh vực hòa giải cơ sở (1)										
3.1	2.00097 9.000.00 .00.H47	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi	- Thời hạn UBND cấp xã xem xét, đề nghị UBND cấp huyện giải quyết hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thời hạn Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định hồ	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x			Không quy định	- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		thực hiện hoạt động hòa giải	trợ: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thời hạn UBND cấp xã chi tiền hỗ trợ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định của UBND cấp huyện.						hành Luật hòa giải ở cơ sở.	
4. Lĩnh vực nuôi con nuôi (1)										
4.1	2.00236 3.000.00 .00.H47	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	- Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. - Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	x		x	Lệ phí: 75.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở	- Luật Hộ tịch 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ; - Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								các huyện miền núi.	ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam.	
5. Lĩnh vực bồi thường nhà nước (2)										
5.1	2.00219 0.000.00 .00.H47	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận hồ sơ: 12 ngày - Thụ lý hồ sơ và vào sổ thụ lý: 02 ngày làm việc - Cử người giải quyết bồi thường: 02 ngày làm việc. - Tạm ứng kinh phí bồi thường: 14 ngày - Xác minh thiệt hại: 15 ngày. <p>Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn xác minh thiệt hại là 30 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ. Thời hạn xác minh thiệt hại có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại, cơ quan giải quyết bồi thường phải tiến hành thương lượng việc bồi thường. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày 	Cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính quy định tại Điều 33 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp huyện	x			Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật TNBTCNN năm 2017 ; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật TNBTCNN; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước. 	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			<p>tiến hành thương lượng, việc thương lượng phải được hoàn thành. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn thương lượng tối đa là 15 ngày. Thời hạn thương lượng có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này.</p> <p>Cơ quan giải quyết bồi thường phải gửi cho người yêu cầu bồi thường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản.</p>							
5.2	1.00546 2.000.00 .00.H47	Thủ tục phục hồi danh dự	15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến đồng ý của người bị thiệt hại hoặc yêu cầu của người bị thiệt hại về việc phục hồi danh dự.	Cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính quy định tại Điều 33 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp huyện	x			Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật TNBTCNN năm 2017 ; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật TNBTCNN; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước. 	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
Tổng cộng		33								
C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (42)										
1. Lĩnh vực hộ tịch (21)										
1.1	1.00119 3.000.00 .00.H47	Đăng ký khai sinh	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận một cửa UBND cấp xã	x	x	10.000 đồng/ trường hợp Đối với đăng ký trực tuyến 5.000 đồng/ trường hợp Miễn lệ phí đối với: Đăng ký khai sinh đúng hạn; trẻ em; hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính;		

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	- Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam. - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 166/QĐ-STP ngày 23/8/2023 của Sở Tư pháp.	
1.2	1.00089 4.000.00 .00.H47	Đăng ký kết hôn	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.	Bộ phận một cửa UBND cấp xã	x	x		Miễn lệ phí	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam.	
1.3	1.00102 2.000.00 .00.H47	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc	Bộ phận một cửa UBND cấp xã	x	x	15.000 đồng/ trường hợp Đối với đăng ký trực tuyến 7.500 đồng/ trường hợp Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày		

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								<p>công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi</p>	<p>04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí; - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam. - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam;</p>	<p>Quyết định số 166/QĐ-STP ngày 23/8/2023 của Sở Tư pháp.</p>
1.4	2.00063 5.000.00 .00.H47	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>	Bộ phận một cửa UBND cấp xã	x		x	<p>8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p>	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. 	
1.5	1.00487 3.000.00 .00.H47	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày	Bộ phận một cửa UBND cấp xã	x		x	10.000 đồng/trường hợp. Đối với đăng ký trực tuyến 5.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: Hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 	- Quyết định số 166/QĐ-STP ngày 23/8/2023 của Sở Tư pháp.

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								<p>công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi</p>	<p>04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam. - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam;</p>	
1.6	1.00068 9.000.00 .00.H47	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.	Bộ phận một cửa UBND cấp xã	x	x		<p>- Lệ phí đăng ký khai sinh: 10.000 đồng/ trường hợp - Lệ phí đăng ký nhận cha, mẹ, con: 15.000 đồng/ trường hợp</p>	<p>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày</p>	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								<p>Đối với đăng ký trực tuyến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký khai sinh: 5.000 đồng/ trường hợp - Lệ phí đăng ký nhận cha, mẹ, con: 7.500 đồng/ trường hợp <p>Miễn lệ phí hộ tịch đối với:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký khai sinh đúng hạn; - Trẻ em; hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; 	<p>28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam. - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam; 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 166/QĐ-STP ngày 23/8/2023 của Sở Tư pháp.

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi		
1.7	1.00065 6.000.00 .00.H47	Đăng ký khai tử	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận một cửa UBND cấp xã	x	x	10.000 đồng/trường hợp Đối với đăng ký trực tuyến 5.000 đồng/ trường hợp Miễn lệ phí đối với: - Đăng ký khai tử đúng hạn; - Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế -	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội	- Quyết định số 166/QĐ-STP ngày 23/8/2023 công bố Danh mục TTHC được giảm 50% mức thu lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi.	đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam. - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam;	
1.8	1.00011 0.000.00 .00.H47	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	x	x	10.000 đồng/ trường hợp Đối với đăng ký trực tuyến 5.000 đồng/ trường hợp Miễn lệ phí đối với: - Đăng ký khai sinh đúng hạn - Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày		

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								<p>công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi</p>	<p>29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam. - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam;</p>	
1.9	1.00009 4.000.00 .00.H47	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	03 ngày làm việc. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	x		x	Miễn lệ phí	<p>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày</p>	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam.	
1.10	1.00008 0.000.00 .00.H47	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	07 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12 ngày làm việc	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	x			15.000 đồng/ trường hợp Đối với đăng ký trực tuyến 7.500 đồng/ trường hợp Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật;	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;	- Quyết định số 166/QĐ-STP ngày 23/8/2023 công bố Danh mục TTHC được giảm 50% mức thu lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								<p>người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam. - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND 	lý của Sở Tư pháp

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 166/QĐ-STP ngày 23/8/2023 của Sở Tư pháp	
1.11	1.00482 7.000.00 .00.H47	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	x	x	10.000 đồng/trường hợp Đối với đăng ký trực tuyến 5.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: - Đăng ký khai tử đúng hạn; - Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND		

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								tộc thiểu số ở các huyện miền núi.	ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam. - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam;	
1.12	1.00483 7.000.00 .00.H47	Đăng ký giám hộ	03 ngày làm việc	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	x	x		Miễn lệ phí.	- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam.	
1.13	1.00484 5.000.00 .00.H47	Đăng ký chấm dứt giám hộ	02 ngày làm việc	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	x	x		Miễn lệ phí.	- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam.	
1.14	1.00485 9.000.00 .00.H47	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch ; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc. - Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch , trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	x	x	15.000 đồng/ trường hợp Đối với đăng ký trực tuyến 7.500 đồng /trường hợp Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;	- Quyết định số 166/QĐ-STP ngày 23/8/2023 công bố Danh mục TTHC được giảm 50% mức thu lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								<p>mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam. - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam; 	
1.15	1.00488 4.000.00 .00.H47	Đăng ký lại khai sinh	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	x	x	<p>10.000 đồng/trường hợp. Đối với đăng ký trực tuyến 5.000 đồng/trường hợp</p> <p>Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu; 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 166/QĐ-STP ngày 23/8/2023 công bố Danh mục TTHC được giảm 50% mức thu lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực 	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam; 	tuyển thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
1.16	1.00474 6.000.00 .00.H47	Đăng ký lại kết hôn	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	x	x		<p>30.000 đồng/trường hợp. Đối với đăng ký trực tuyến 15.000 đồng/trường hợp</p> <p>Miễn lệ phí đối với: hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam. 	- Quyết định số 166/QĐ-STP ngày 23/8/2023 công bố Danh mục TTHC được giảm 50% mức thu lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									- Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam;	
1.17	1.00477 2.000.00 .00.H47	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	x	x	10.000 đồng/ trường hợp. Đối với đăng ký trực tuyến 5.000 đồng/ trường hợp Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày	- Quyết định số 166/QĐ-STP ngày 23/8/2023 công bố Danh mục TTHC được giảm 50% mức thu lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND ban tỉnh Quảng Nam; - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam;	
1.18	1.00546 1.000.00 .00.H47	Đăng ký lại khai tử	05 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	x		x	10.000 đồng/ trường hợp. Đối với đăng ký trực tuyến 5.000 đồng/ trường hợp Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp	- Quyết định số 166/QĐ-STP ngày 23/8/2023 công bố Danh mục TTHC được giảm 50% mức thu lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								<p>nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam. - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam; 	
1.19	1.00358 3.000.00 .00.H47	Đăng ký khai sinh lưu động	05 ngày làm việc	Tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động	x			<p>10.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với:</p> <ul style="list-style-type: none"> - khai sinh đúng hạn; - Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								<p>người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi</p>	<p>28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam.</p>	
1.20	1.00059 3.000.00 .00.H47	Đăng ký kết hôn lưu động	05 ngày làm việc	Tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động	x			<p>Miễn lệ phí</p>	<p>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</p>	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam. 	
1.21	1.00041 9.000.00 .00.H47	Đăng ký khai tử lưu động	05 ngày làm việc	Tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động	x			<p>10.000 đồng/trường hợp</p> <p>Miễn lệ phí đối với:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký khai tử đúng hạn; - Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; 	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								<p>công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi</p>	<p>- Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam.</p>	
2. Lĩnh vực chứng thực (11)										
2.1	2.00090 8.000.00 .00.H47	Cấp bản sao từ sổ gốc	Trong ngày cơ quan tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.	Bộ phận một cửa cấp xã	x		x	Không quy định	Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.	
2.2	2.00094 2.000.00 .00.H47	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	<p>- Trong ngày làm việc; nhận sau 15 giờ thì trả vào ngày tiếp theo;</p> <p>- Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.</p>	Bộ phận một cửa cấp xã	x			<p>2.000 đồng/trang; từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. - Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang</p>	<p>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p>	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								của bản chính.		
2.3	2.00081 5.000.00 .00.H47	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	<ul style="list-style-type: none"> - Trong ngày làm việc; nhận sau 15 giờ thì trả vào ngày tiếp theo; - Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. - Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực. 	Bộ phận một cửa cấp xã	x			2.000 đồng/trang; từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. - Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.		
2.4	2.00088 4.000.00 .00.H47	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và	<ul style="list-style-type: none"> - Trong ngày làm việc; nhận sau 15 giờ thì trả vào ngày tiếp theo; - Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời 	Bộ phận một cửa cấp xã	x			10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không đi kèm chi được)	gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.					giấy tờ, văn bản)	- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
2.5	2.00103 5.000.00 .00.H47	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở								
2.6	2.00101 9.000.00 .00.H47	Chứng thực di chúc	- Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. (Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực).	Bộ phận một cửa cấp xã	x			50.000 đồng/di chúc	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.	
2.7	2.00101 6.000.00 .00.H47	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	- Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. (Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết	Bộ phận một cửa cấp xã	x			50.000 đồng/văn bản	- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			quả cho người yêu cầu chứng thực).							
2.8	2.00140 6.000.00 .00.H47	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	- Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. (Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực).	Bộ phận một cửa cấp xã	x			50.000 đồng/văn bản		
2.9	2.00100 9.000.00 .00.H47	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	- Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. (Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực).	Bộ phận một cửa cấp xã	x			50.000 đồng/văn bản		
2.10	2.00091 3.000.00 .00.H47	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	- Trong ngày làm việc; nhận sau 15 giờ thì trả vào ngày tiếp theo; - Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận một cửa cấp xã	x			30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
2.11	2.00092 7.000.00 .00.H47	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	- Trong ngày làm việc; nhận sau 15 giờ thì trả vào ngày tiếp theo; - Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận một cửa cấp xã	x			25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
3. Lĩnh vực nuôi con nuôi (3)										
3.1	2.00126 3.000.00 .00.H47	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	30 ngày	Bộ phận một cửa cấp xã	x			- Lệ phí: 400.000đ/trường hợp. - Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS	- Luật Nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.		
3.2	1.00300 5.000.00 .00.H47	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	30 ngày	Bộ phận một cửa cấp xã	x			4.500.000 đồng/trường hợp.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; 	
3.3	2.00125	Đăng ký lại việc nuôi con	05 ngày làm việc	Bộ phận một cửa cấp xã	x			Không quy định	- Luật Nuôi con nuôi 2010;	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
	5.000.00 .00.H47	nuôi trong nước							<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 	
4. Lĩnh vực bồi thường nhà nước (1)										
4.1	2.00216 5.000.00 .00.H47	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận hồ sơ: 12 ngày - Thụ lý hồ sơ và vào sổ thụ lý: 02 ngày làm việc - Cử người giải quyết bồi thường: 02 ngày làm việc. - Tạm ứng kinh phí bồi thường: 14 ngày - Xác minh thiệt hại: 15 ngày. <p>Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn xác minh thiệt hại là 30 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ.</p>	Bộ phận một cửa cấp xã	x			Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật TNBTCNN năm 2017 ; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật TNBTCNN; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu trong 	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			<p>Thời hạn xác minh thiệt hại có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn</p> <p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại, cơ quan giải quyết bồi thường phải tiến hành thương lượng việc bồi thường. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tiến hành thương lượng, việc thương lượng phải được hoàn thành. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn thương lượng tối đa là 15 ngày. Thời hạn thương lượng có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này.</p> <p>Cơ quan giải quyết bồi thường phải gửi cho người yêu cầu bồi thường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản.</p>						công tác bồi thường nhà nước.	
5. Lĩnh vực phổ biến giáo dục pháp luật (2)										

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
5.1	2.00145 7.000.00 .00.H47	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật	15	Bộ phận một cửa cấp xã	x			Không quy định	- Luật Phổ biến giáo dục pháp luật năm 2012 - Nghị định 28/2013/NĐ-CP ngày 04/04/2013 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật - Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 Quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật	
5.2	2.00144 9.000.00 .00.H47	Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	15	Bộ phận một cửa cấp xã	x			Không quy định	- Luật Phổ biến giáo dục pháp luật năm 2012 - Nghị định 28/2013/NĐ-CP ngày 04/04/2013 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật - Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 Quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật	
6. Lĩnh vực hòa giải cơ sở (4)										
6.1	2.00037 3.000.00 .00.H47	Thủ tục công nhận hòa giải viên	05	Bộ phận một cửa cấp xã	x			Không quy định	- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013;	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									- Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN.	
6.2	2.00033 3.000.00 .00.H47	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	05	Bộ phận một cửa cấp xã	x			Không quy định	- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN.	
6.3	2.00035 0.000.00 .00.H47	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hoặc báo cáo về việc thôi làm hòa giải viên.	Bộ phận một cửa cấp xã	x			Không quy định	- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN.	
6.4	2.00208 0.000.00 .00.H47	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Tổ hòa giải thực hiện trả thù lao cho hòa giải viên theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được thù lao.	Bộ phận một cửa cấp xã	x			Không quy định	- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hòa giải cơ sở	
Tổng cộng		42								